TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2019
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Bền
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2019/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019. Giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phong Nh, sinh năm: 1984; địa chỉ cư trú: Ấp Trảng Tranh, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Ấp Trảng Tranh, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Nguyễn Phong Nh trình bày:

Anh và Chị Trần Thị H tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2006. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh, chị chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cự cải nhau. Anh Nhvà chị Hđã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống anh, chị có ba con chung: 1/ Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày: 11/7/2007 hiện đang chung sống với chị Hồng. 2/ Nguyễn Thị Thảo Duyên, sinh ngày: 09/7/2009 và 3/ Nguyễn Tuấn Vỹ, sinh ngày: 11/12/2011, hiện nay đang chung sống với anh Nhân.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay Anh Nhkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Trần Thị H. Về con chung: Anh Nhyêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Thảo Duyên và Nguyễn Tuấn Vỹ. Anh Nhđồng ý giao con Nguyễn Thị Thảo Nguyên cho chị Htiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ chung: Không có

Chị Hđã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập chị Hđến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị Hvẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nhkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hnên đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Hlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Nhcó đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30/8/2019, chị Hđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Anh Nhvà chị Htheo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 01 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Anh Nhvà chị Hchung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 04/5/2011 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy anh, chị đã sống ly thân từ năm 2013, từ đó đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Anh Nhyêu cầu được ly hôn với chị Hlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh Nhyêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Thảo Duyên, sinh ngày: 09/7/2009 và Nguyễn Tuấn Vỹ, sinh ngày: 11/12/2011, Anh Nhđồng ý giao con Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày: 11/7/2007, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của Anh Nhlà có cơ sở chấp nhận - Xét thấy hiện nay dưới sự chăm sóc, giáo dục của Anh Nhvà chị Hồng, cháu Nguyên, cháu Duyên và cháu Vỹ đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Anh Nhvà chị Hđều có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Mặc khác tại bản tự khai ngày 30/8/2019 cháu Nguyên có nguyễn vọng muốn tiếp tục chung sống với chị Hồng, cháu Duyên và cháu Vỹ có nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh Nhân. Xét yêu cầu nuôi con của anh Nhân, nguyện vọng của cháu Nguyên, cháu Duyên và cháu Vỹ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận. Anh Nhvà chị Hcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nhyêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001291 ngày 06/6/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 01 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Anh Nguyễn Phong Nh được ly hôn với Chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày: 11/7/2007 cho Chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, giao con tên Nguyễn Thị Thảo Duyên, sinh ngày: 09/7/2009 và Nguyễn Tuấn Vỹ, sinh ngày: 11/12/2011 cho Anh Nguyễn Phong Nh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Nguyễn Phong Nh và Chị Trần Thị H có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở. Anh Nhkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Anh Nguyễn Phong Nh phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh Nhđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001291 ngày 06/6/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2019, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm